

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 90218/CTHN-TTHT

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2023

V/v chính sách thuế đối với
nhà thầu nước ngoài

Kính gửi: Cục truyền thông công an nhân dân
(Đ/c: Số 1 Lê Đức Thọ, Quận Cầu Giấy, Hà Nội)

Trả lời công văn số 2552/X04-P2 đề ngày 19/12/2023 của Cục truyền thông công an nhân dân hỏi về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT và nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng:

+ Tại Khoản 21 Điều 4 quy định đối tượng không chịu thuế GTGT

“21. Chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ. Trường hợp hợp đồng chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ có kèm theo chuyển giao máy móc, thiết bị thì đối tượng không chịu thuế GTGT tính trên phần giá trị công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ chuyển giao, chuyển nhượng; trường hợp không tách riêng được thì thuế GTGT được tính trên cả phần giá trị công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ chuyển giao, chuyển nhượng cùng với máy móc, thiết bị.”

- Căn cứ Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam:

+ Tại Điều 1 hướng dẫn về đối tượng áp dụng:

“1. Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu....”

+ Tại Điều 6 quy định về đối tượng chịu thuế GTGT:

“1. Dịch vụ hoặc dịch vụ gắn với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT do Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài cung cấp trên cơ sở hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng tại Việt Nam (trừ trường hợp quy định tại Điều 2 Chương I),...”

+ Tại Điều 7 quy định về thu nhập chịu thuế TNDN:

“...3. Thu nhập phát sinh tại Việt Nam của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài là các khoản thu nhập nhận được dưới bất kỳ hình thức nào trên cơ sở hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ (trừ trường hợp quy định tại Điều 2 Chương I), không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành hoạt động kinh doanh của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài. Thu nhập chịu thuế của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài mong một số trường hợp cụ thể như sau:

...- Thu nhập từ tiền bản quyền là khoản thu nhập dưới bất kỳ hình thức nào được trả cho quyền sử dụng, chuyển quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ, bản quyền phần mềm (bao gồm: các khoản tiền trả cho quyền sử dụng, chuyển giao quyền tác giả và quyền chủ sở hữu tác phẩm; chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp; chuyển giao công nghệ, bản quyền phần mềm).

“Quyền tác giả, quyền chủ sở hữu tác phẩm”, “Quyền sở hữu công nghiệp”, “Chuyển giao công nghệ” quy định tại Bộ Luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Chuyển giao công nghệ và các văn bản hướng dẫn thi hành”.

+ Tại Điều 11 quy định về đối tượng và điều kiện áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp tỷ lệ trên doanh thu:

“Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài không đáp ứng được một trong các điều kiện nêu tại Điều 8 Mục 2 Chương II thì Bên Việt Nam nộp thay thuế cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài theo hướng dẫn tại Điều 12, Điều 13 Mục 3 Chương II.”

+ Tại Điều 12 quy định về thuế GTGT theo phương pháp tỷ lệ trên doanh thu:

“Căn cứ tính thuế là doanh thu tính thuế giá trị gia tăng và tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu.

$$\text{Số thuế GTGT phải nộp} = \frac{\text{Doanh thu tính thuế}}{\text{Giá trị gia tăng}} \times \text{Tỷ lệ \% để tính thuế GTGT trên doanh thu}$$

...

1. Doanh thu tính thuế GTGT:

a) Doanh thu tính thuế GTGT:

Doanh thu tính thuế GTGT là toàn bộ doanh thu do cung cấp dịch vụ, dịch vụ gắn với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT mà Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp, kể cả các khoản chi phí do Bên Việt Nam trả thay Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có).

b) Xác định doanh thu tính thuế GTGT đối với một số trường hợp cụ thể

b.1) Trường hợp theo thỏa thuận tại hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ, doanh thu Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nhận được không bao gồm thuế GTGT phải nộp thì doanh thu tính thuế GTGT phải được quy đổi thành doanh thu có thuế GTGT và được xác định theo công thức sau:

$$\text{Doanh thu tính thuế GTGT} = \frac{\text{Doanh thu chưa bao gồm thuế GTGT}}{1 - \text{Tỷ lệ \% để tính thuế GTGT trên doanh thu}}$$

...

2. Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu:

STT	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ% để tính thuế GTGT
1	Dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, bảo hiểm; xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị	5

”

+ Tại Điều 13 quy định về thuế TNDN theo phương pháp tỷ lệ trên doanh thu:

“Căn cứ tính thuế là doanh thu tính thuế TNDN và tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế.

$$\text{Số thuế TNDN phải nộp} = \text{Doanh thu tính thuế TNDN} \times \text{Tỷ lệ thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế}$$

...

2. Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế

a) Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với ngành kinh doanh:

STT	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế
	Dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, bảo hiểm, thuê giàn khoan	5
	...	...
...	Thu nhập bản quyền.	10

”

Căn cứ các quy định trên, trường hợp hãng thông tấn nước ngoài có thu nhập phát sinh tại Việt Nam từ thực hiện hợp đồng cung cấp gói tin tức quốc tế có bản quyền thuộc Hãng cho Cục Truyền thông công an nhân dân thì thuộc đối tượng áp dụng thuế đối với nhà thầu nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư 103/2014/TT-BTC. Trường hợp nhà thầu nước ngoài không đáp ứng được một trong các điều kiện nêu tại Điều 8 Thông tư 103/2014/TT-BTC thì Cục Truyền thông công an nhân dân (Bên Việt Nam) có trách nhiệm khấu trừ, nộp thay thuế cho nhà thầu nước ngoài, cụ thể:

- Trường hợp thu nhập của nhà thầu nước ngoài là từ chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo Luật sở hữu trí tuệ thì
 - + thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT
 - + thuế TNDN đối với thu nhập bản quyền theo tỷ lệ 10% giá trị hợp đồng
- Trường hợp thu nhập của nhà thầu nước ngoài không phải là chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo Luật sở hữu trí tuệ thì

+ Thuế GTGT đối với thu nhập từ dịch vụ áp dụng tỷ lệ 5% trên doanh thu tính thuế GTGT. Nếu theo thỏa thuận tại hợp đồng, doanh thu Nhà thầu nước ngoài nhận được không bao gồm thuế GTGT phải nộp thì doanh thu tính thuế GTGT phải được quy đổi thành doanh thu có thuế GTGT theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư 103/2014/TT-BTC.

+ Thuế TNDN: áp dụng tỷ lệ 10% trên doanh thu tính thuế TNDN. Thu nhập trả cho quyền sử dụng gói tin thuộc sở hữu của nhà thầu nước ngoài là thu nhập từ bản quyền theo quy định tại Điều 7 Thông tư 103/2014/TT-BTC.

Các vướng mắc liên quan đến việc xác định đối tượng của hợp đồng có phải là hoạt động chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ hay không đề nghị Cục Truyền thông công an nhân dân liên hệ với Cục sở hữu trí tuệ để có hướng dẫn cụ thể.

Trong quá trình thực hiện chính sách thuế, trường hợp còn vướng mắc, đơn vị có thể tham khảo các văn bản hướng dẫn của Cục Thuế TP Hà Nội được đăng tải trên website <http://hanoi.gdt.gov.vn> để thực hiện.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời đề Cục Truyền thông công an nhân dân được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng NVDTPC;
- Website Cục Thuế;
- Lưu: VT, TTHT(2).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Hồng Thái